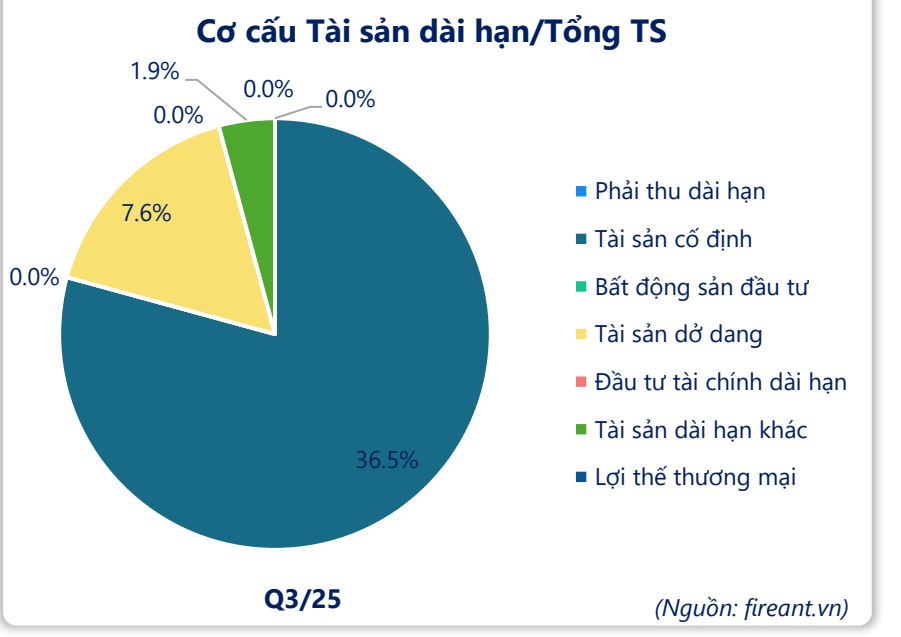
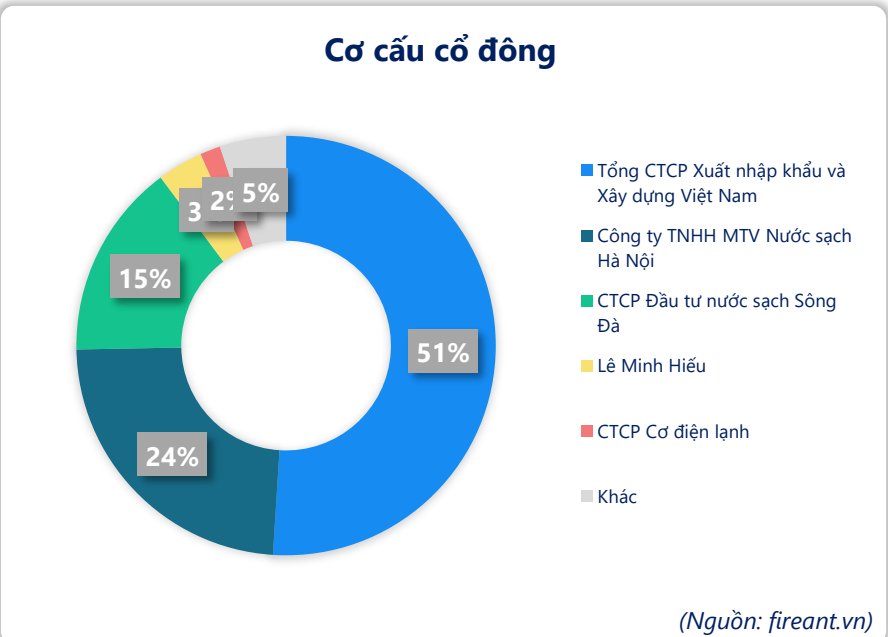
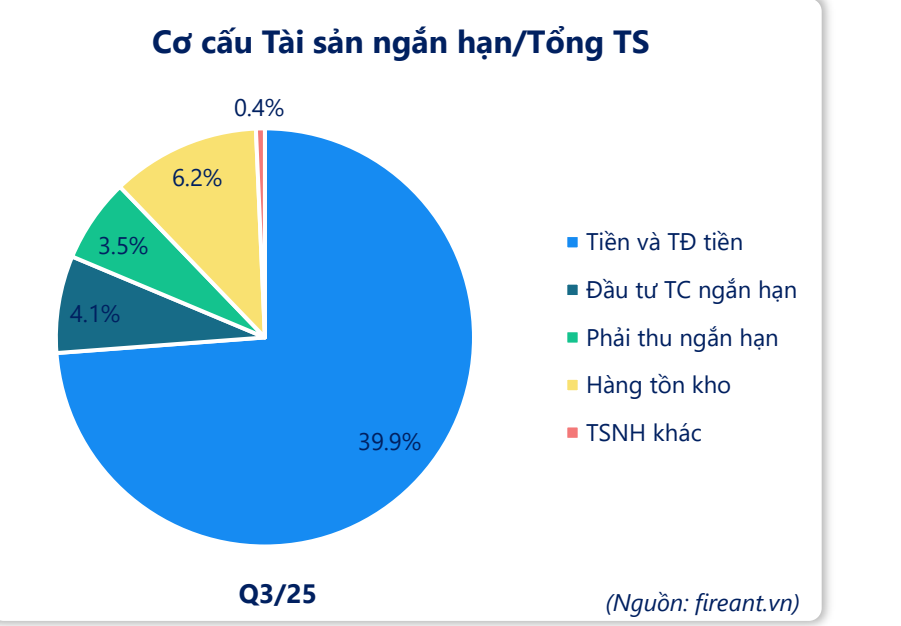
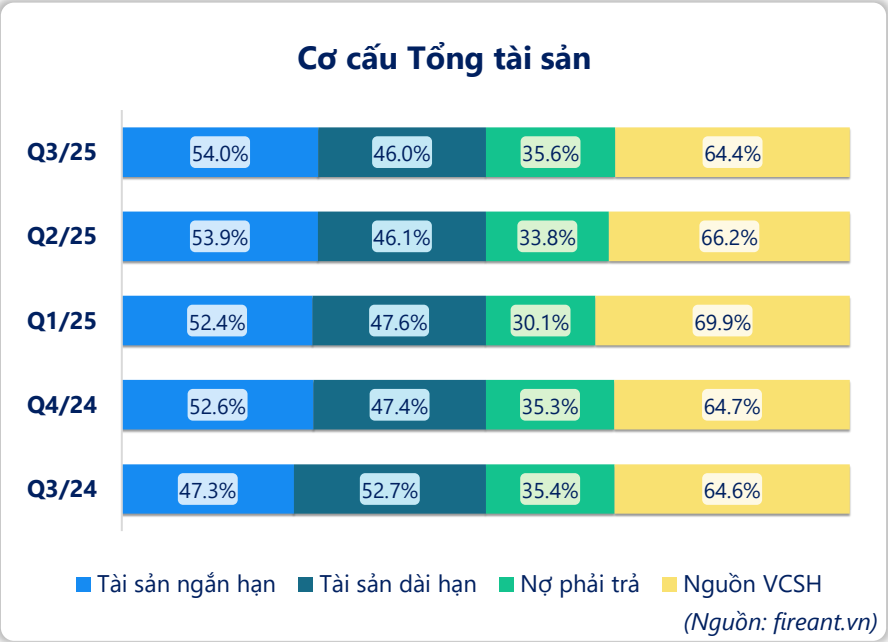
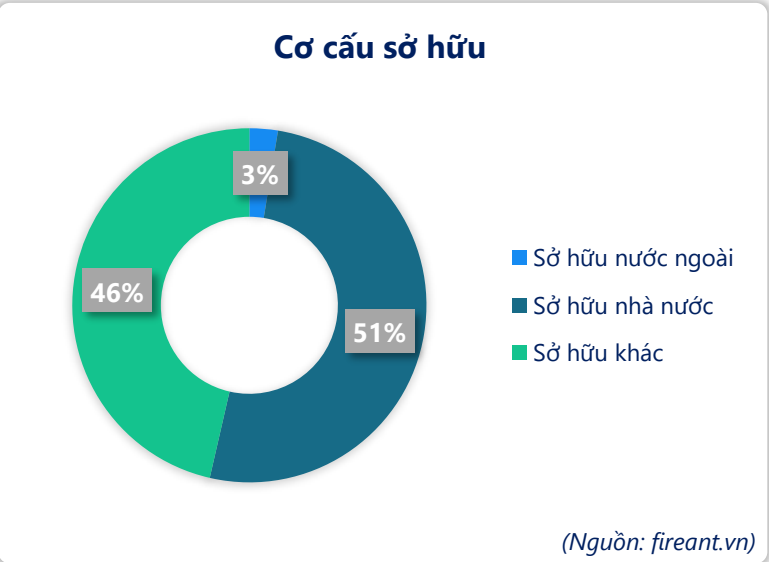
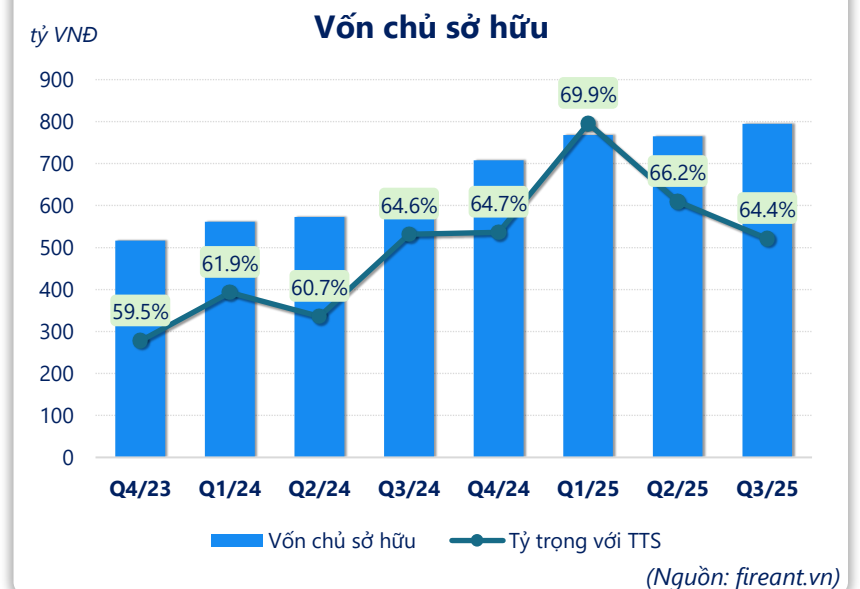
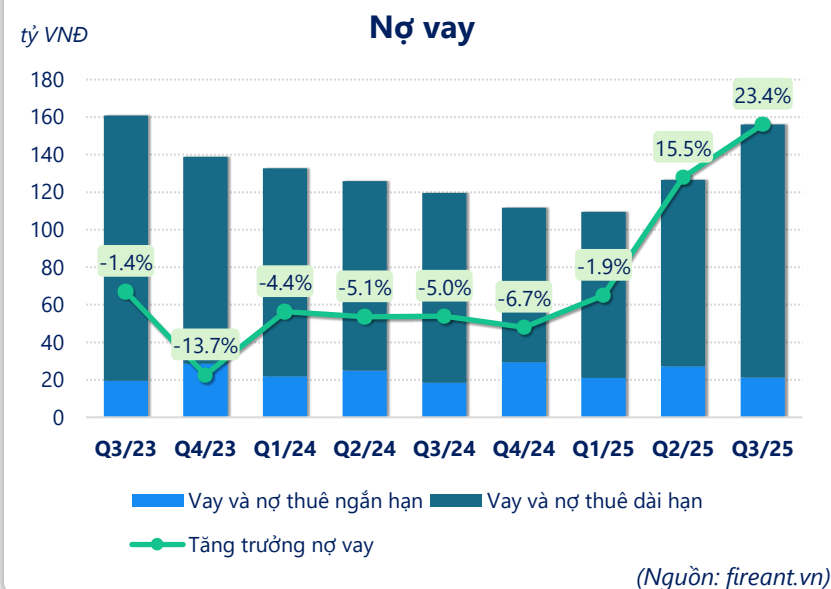
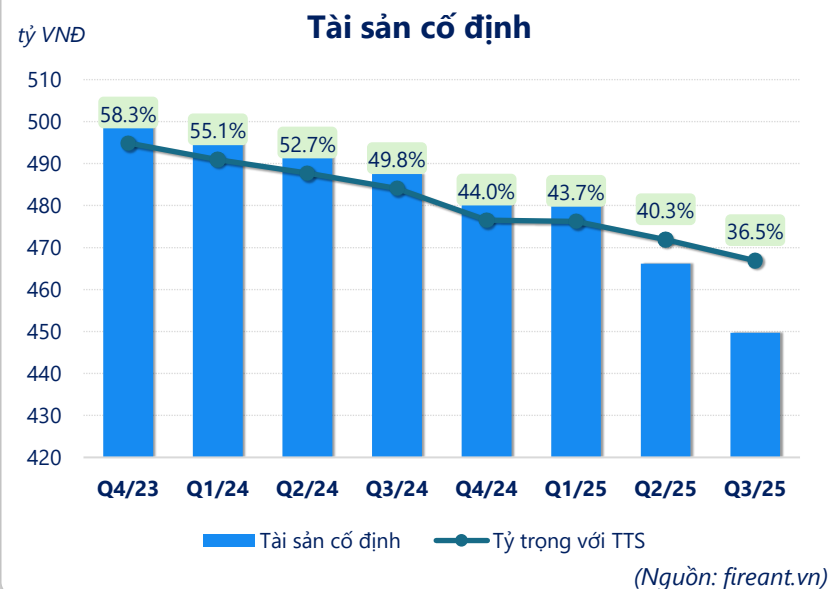
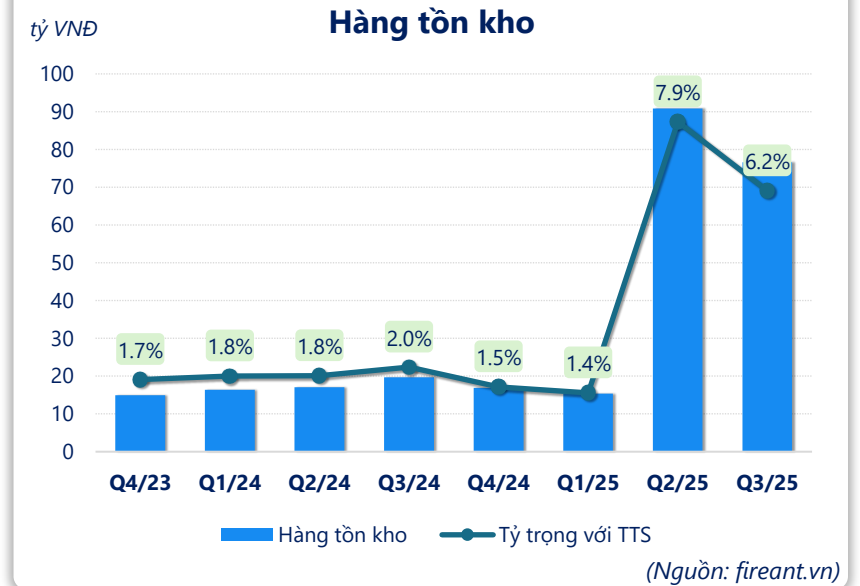
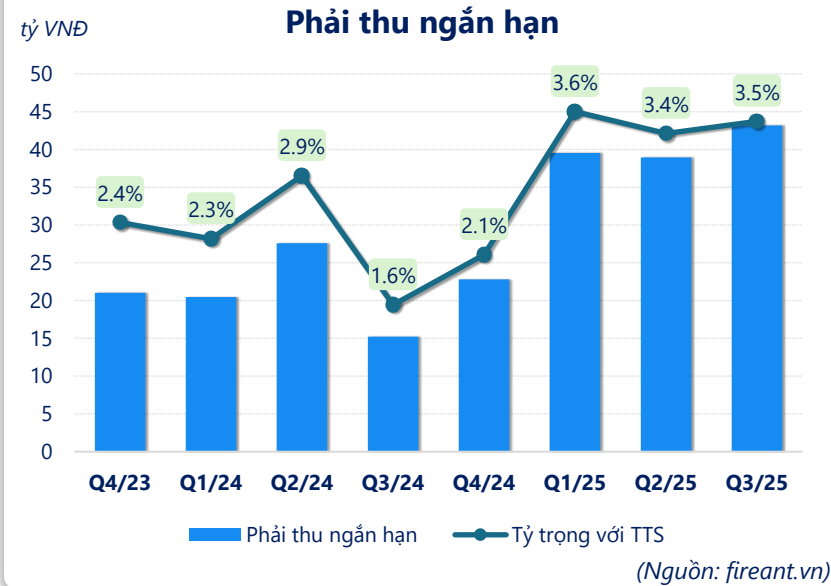
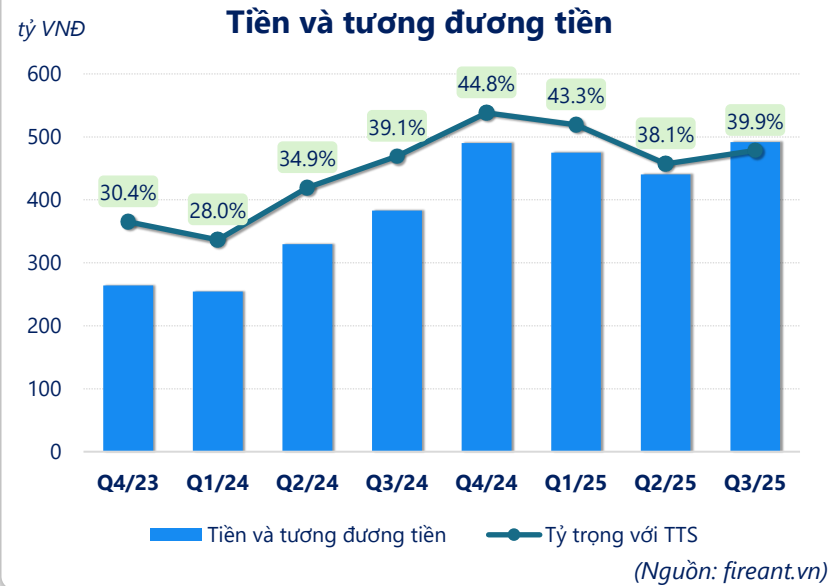
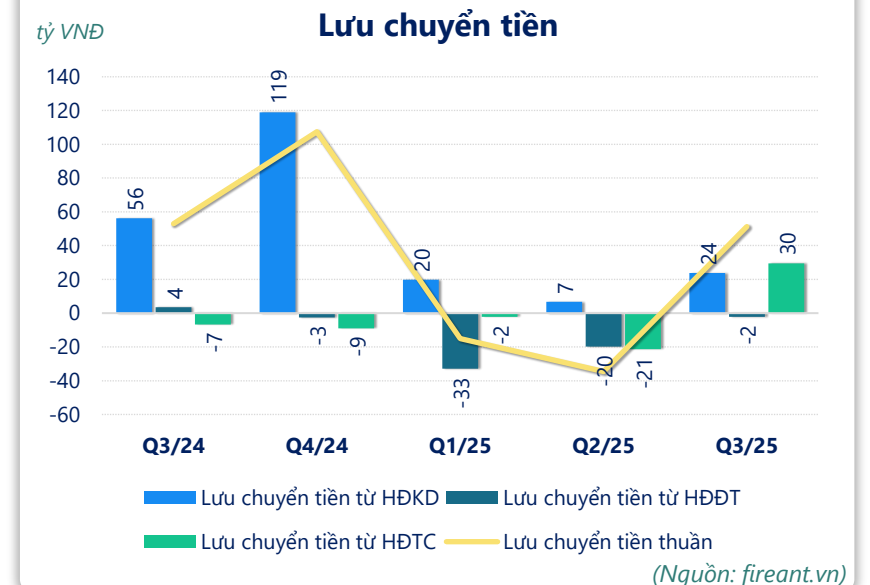
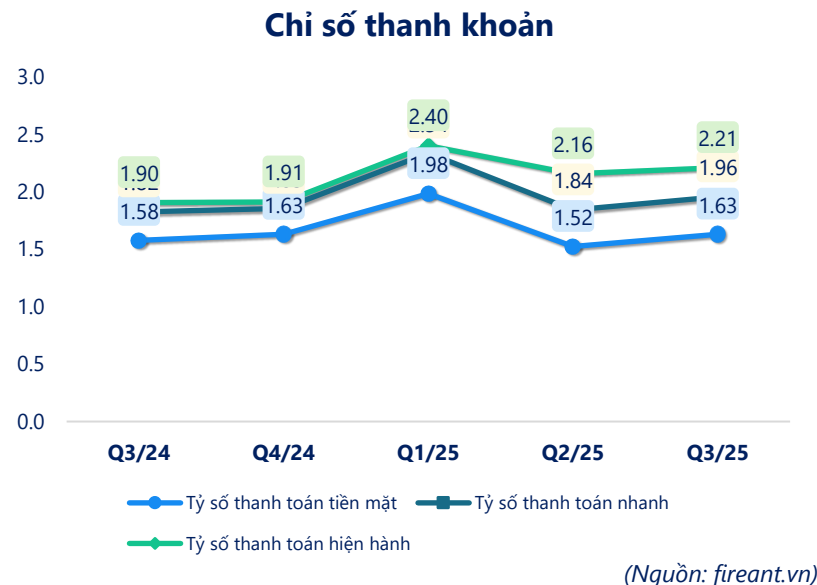
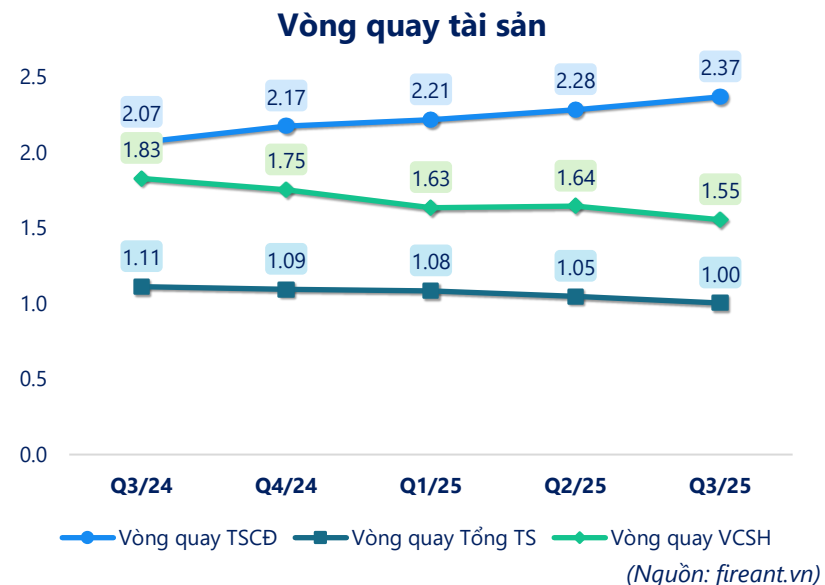
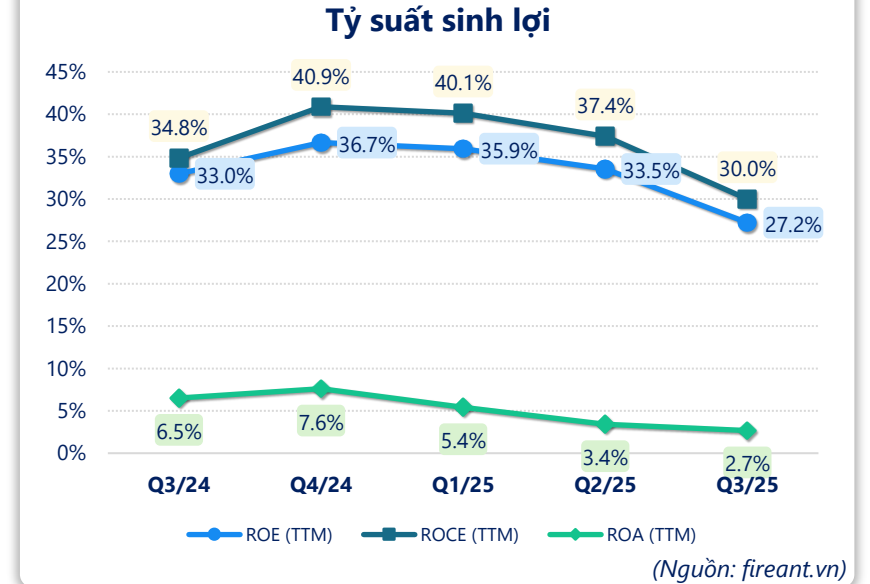
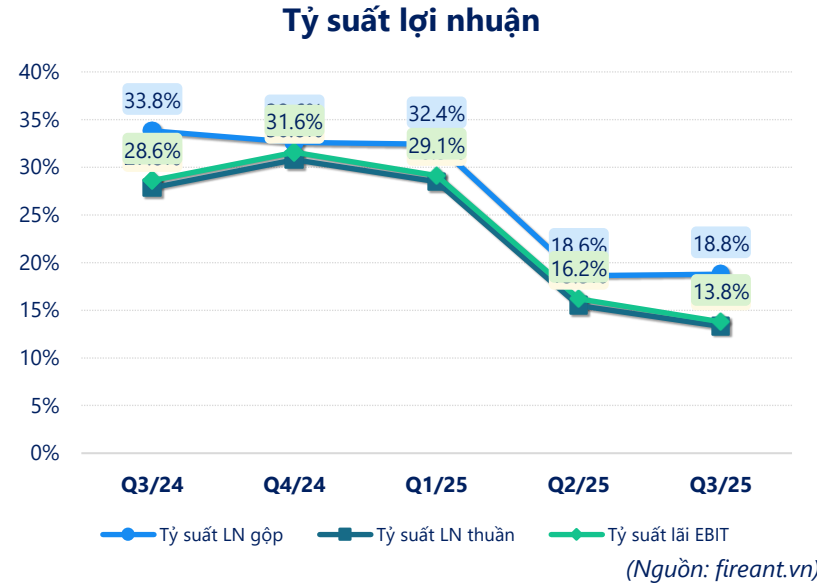
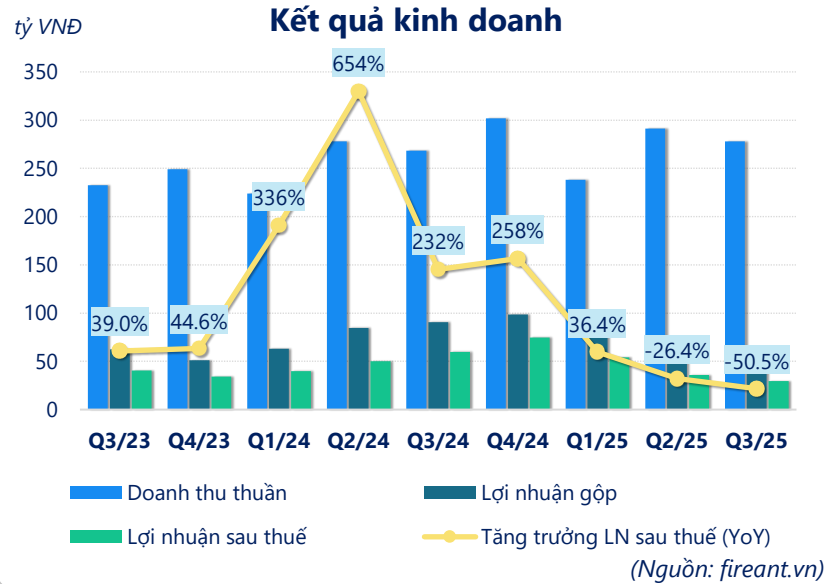


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		36,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		47,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,201
SL cổ phiếu LH		47,999,995
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,150
% sở hữu nước ngoài		2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,733
P/E		8.9
EPS		4,046

	YTD	1T	3T	6T
VAV	10.7%	-7.7%	-5.1%	-9.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,233	1,114	10.7%
Tài sản ngắn hạn	666	575	15.9%
Tiền và tương đương tiền	492	490	0.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	45.0	11.2%
Phải thu ngắn hạn	43.2	22.2	94.5%
Hàng tồn kho	76.6	17.0	350%
Tài sản ngắn hạn khác	4.59	0.51	804%
Tài sản dài hạn	567	539	5.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	450	496	-9.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	93.9	23.0	307%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	23.8	20.6	15.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	439	400	9.6%
Nợ ngắn hạn	302	313	-3.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.2	27.0	-21.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	142	146	-2.8%
Nợ dài hạn	137	87.1	57.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	135	84.7	59.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	795	713	11.4%
Vốn chủ sở hữu	795	713	11.4%
Vốn điều lệ	480	320	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	268	302	238	291	278
Giá vốn hàng bán	178	203	161	237	226
Lợi nhuận gộp	90.7	98.4	77.2	54.2	52.2
Doanh thu HĐTC	3.24	4.47	4.86	4.93	2.18
Chi phí TC	2.04	1.87	1.58	2.13	1.34
Chi phí lãi vay	2.04	1.87	1.58	2.13	1.34
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.3	2.79	7.90	4.63	11.5
Chi phí QLDN	4.98	5.33	4.79	7.32	4.56
LN thuần từ HĐKD	74.6	92.9	67.8	45.1	37.0
Lợi nhuận khác	0.05	0.46	0.00	0	0
LN trước thuế	74.7	93.4	67.8	45.1	37.0
Lợi nhuận sau thuế	59.8	74.6	54.2	35.8	29.6
LNST của CĐ cty mẹ	59.8	74.6	54.2	35.8	29.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.1	119	19.9	6.66	23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.53	-2.64	-32.8	-19.9	-2.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.72	-8.92	-2.17	-21.4	29.6
Tiền đầu kỳ	330	383	490	475	440
Lưu chuyển tiền thuần	52.9	107	-15.1	-34.6	51.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	383	490	475	440	492

(Nguồn: fireant.vn)